

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT

Ngày 11-01-2022

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quản Hữu Chiến

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Mai Lan, ông Đỗ Tuấn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:** Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/HNGĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc: Xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 245/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 15/TB-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H. Địa chỉ: Bản NB, xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn C. Địa chỉ: Bản NB, xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Đăng ký HKTT: Bản CT, xã CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Văn H1. Địa chỉ: Bản NB, xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Không liên quan đến kháng cáo, Tòa không triệu tập):*

- Ông Bùi Văn Th, bà Đào Thị D, bà Nguyễn Thị Ch. Đều trú tại: Đội 10, CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;

- Bà Vũ Thị M (M1). Địa chỉ: Bản NB, xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

- Ông Nguyễn Thanh Tr. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

- Bà Nguyễn Thị Kh. Địa chỉ: Bản TP, xã CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Bùi Văn C.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:*

Chị và anh Bùi Văn C kết hôn với nhau vào ngày 09/11/2015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới chị và anh C ở riêng, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách, quan điểm sống không phù hợp, hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2021. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Nhật H2, sinh ngày 27/01/2016. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của chị H xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2 và không yêu cầu anh C phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

+ Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị có xây dựng được 01 nhà mái Thái trị giá nhà khoảng 400.000.000đ. Ngôi nhà được xây trên diện tích đất của ông Lương Văn H1 (bố đẻ của chị H) tặng cho cháu Bùi Nhật H2 con chung của chị và anh C, diện tích đất khoảng 300 m<sup>2</sup> (đất chưa tách thửa hiện vẫn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1).

Sau khi ly hôn, chị H xin sử dụng ngôi nhà để nuôi con, chị có trách nhiệm trả tiền chênh lệch một nửa ngôi nhà cho anh C.

Còn việc anh C khai không phải ông Lương Văn H1 cho đất làm nhà, mà là đất của anh C và chị H nhận chuyển nhượng lại với bà M1 và anh M2 con bà M1 05m chiều rộng, chiều dài 20m là không đúng.

Việc anh C khai anh và chị còn 1227,15 m<sup>2</sup> đất ruộng nhận chuyển nhượng với bà M1 là không đúng, đối với diện tích đất ruộng này chị H chỉ là người môi giới để bà M1, anh M2 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh Triệu.

Đối với 01 xe máy H Wave Anpha màu trắng, BKS - 26G1.212.29, trị giá khoảng 10.000.000đ, đăng ký xe máy mang tên Hà Văn T3, chị giao cho anh C quản lý, sử dụng, chị không yêu cầu anh C phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị.

Do không thống nhất được giá trị tài sản, chị H đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định, định giá làm căn cứ phân chia.

Vay nợ chung: Vay ông Lương Văn H1 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vay để xây nhà. Nay ông H1 yêu cầu chị có trách nhiệm trả cho ông H1

300.000.000đ, chị nhất trí và sẽ có trách nhiệm trả cho ông H1, anh C có trách nhiệm trả cho chị 150.000.000đ.

*Bị đơn anh Bùi Văn C trình bày:*

Anh hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Nhật H2, sinh ngày 27/01/2016. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu và không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H đã xây được 01 nhà mái Thái trên diện tích đất hiện đang trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Văn H1. Trị giá nhà khoảng 600.000.000đ.

Lý do anh và chị H xây nhà trong diện tích của ông Lương Văn H1 là trước đó anh và chị H có nhận chuyển nhượng với bà Vũ Thị M1 một diện tích đất 05m chiều rộng, chiều dài 20m, nhưng do xem thầy cúng nói không làm nhà ở mảnh đất đó được nên anh và chị H có đổi cho ông H1, ông H1 lấy phần đất anh và chị H có đổi cho ông Hoá, ông H1 lấy phần đất anh và chị H đã nhận chuyển nhượng với bà M1, anh và chị H đổi lấy mảnh đất giáp nhà ông H1 để xây nhà. Không phải là đất ông H1 cho riêng chị H. Việc đổi đất không làm giấy tờ.

Ngoài ra anh C và chị H còn có 1227,15 m<sup>2</sup> đất ruộng nhận chuyển nhượng với bà M1 và anh M2 con bà M1.

01 xe máy H Wa Anpha màu trắng BKS 26G1. 212.29, đăng ký xe máy mang tên Hà Văn Tươi, trị giá khoảng 10.000.000đ.

Nếu ly hôn do anh ở Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, anh nhất trí giao đất, nhà, đất ruộng cho chị H sử dụng, yêu cầu chị H trả lại cho anh một nửa giá trị tài sản chênh lệch.

Do không thống nhất được giá trị tài sản, anh đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định, định giá làm căn cứ phân chia.

Về vay nợ chung: Vay của ông Đào Văn Kh, địa chỉ: Bản CT, xã CP, Huyện Yên Châu số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); vay của ông Bùi Văn Th, địa chỉ: Đội Y, xã CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); vay của bà Đào Thị D, địa chỉ: Đội Y, xã CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Anh đề nghị Tòa án chia đôi mỗi người có trách nhiệm thanh toán một nửa số nợ.

Đối với khoản nợ ông Lương Văn H1 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) như chị H khai vay để xây nhà, anh C xác định không được vay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn H1 trình bày:*

Chị Lường Thị H là con gái ông và đã có một đời chồng, năm 2010 chị H ly hôn với anh Lường Văn T3 (chồng cũ của chị H), sau khi ly hôn chị H nuôi 02 con của chị và anh Tân là Lường Như H3 và Lường Duy T4.

Năm 2011, do thấy điều kiện chị H không có nhà ở nên ông có mua 01 ngôi nhà sàn 02 gian của anh Vi Văn T5 ở bản Nà Bó, xã MS với ý định dựng nhà trên đất trồng lúa (mảnh đất đó hiện nay cho con dâu ông là Vi Thị T6 đang sử dụng) nhưng UBND xã MS không cho làm nhà trên đất ruộng, ông có hỏi bà Vũ Thị M1 cho ông mượn 05m đất của nhà bà M1 giáp với đất ruộng nhà ông để dựng nhà cho chị H ở, bà M1 đồng ý.

Năm 2012, anh Bùi Văn C có đến, đi lại, tìm hiểu chị H và ở cùng ngôi nhà đó. Đến năm 2015 thì chị H và anh C kết hôn, tiếp tục ở ngôi nhà đó, đến năm 2018 thì ông cho vợ chồng anh chị C H mượn mảnh đất của ông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã viết giấy tặng cho cháu Bùi Nhật H2 là con chung của anh chị C H để xây nhà. Cùng thời điểm đó thì anh C chị H đã bán ngôi nhà sàn mà ông mua trước đó làm cho chị H ở cho chị Lường Thị Hợi ở cùng bản và trả lại mảnh đất cho bà M1.

Do điều kiện anh C chị H làm nhà không có tiền nên ông đã chuyển nhượng 05m đất là tài sản mà ông đã tặng cho cháu Lường Như H3 (là con riêng của H) cho anh Nguyễn Thanh Tr ở tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu với giá 300.000.000 đồng để đưa cho anh C, chị H để làm nhà.

Về nguồn gốc đất ông chuyển nhượng cho ông Tr là đất thuộc quyền quản lý của ông, đất đã có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay ông Triệu đã xây 01 kho.

Nay ông H1 đề nghị đổi với 01 mảnh đất mà ông đã tặng cho cháu Bùi Nhật H2 thì ông vẫn cho cháu H2, tuy nhiên do cháu H2 còn nhỏ nên ông tạm giao cho chị H quản lý.

Về ngôi nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh C, chị H ông không liên quan.

Đối với số tiền số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu) đồng ông H1 đã cho anh C, chị H vay để làm nhà, vì là con cái trong nhà nên khi cho vay ông không làm giấy tờ vay nợ, để đảm bảo quyền lợi của ông H1, ông đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả cho ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị D trình bày:*

Ngày 22/11/2014, bà có cho vợ chồng anh C, chị H vay số tiền là 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng. Khi vay bà yêu cầu anh C, chị H phải đưa mẹ anh C đến thì bà mới cho vay tiền, chính vì vậy mà trong Giấy vay tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ch, mẹ anh C. Đến nay số tiền gốc 10.000.000đ anh C và chị H vẫn chưa trả cho bà.

Nay hai anh chị ly hôn bà D yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị H phải trả cho bà số tiền đã vay và lãi suất đã thỏa thuận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th trình bày:*

Ngày 25/9/2015, vợ chồng ông có anh C vay số tiền là 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,0%/tháng, khi vay anh C nói vay để mua đất, đến nay anh C mới trả được 3.600.000đ tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả.

Nay hai anh chị ly hôn ông Th yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị H phải trả cho ông số tiền đã vay và lãi suất đã thỏa thuận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khương trình bày:*

Ngày 24/10/2018, bà có cho vợ chồng anh C, chị H vay số tiền là 30.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng hẹn đến ngày 24/10/2019 thì trả. Khi vay anh C, chị H nói vay tiền để làm nhà. Người trực tiếp nhận tiền là anh C và chị H.

Đến nay hai anh chị vẫn chưa trả cho bà số tiền vay, nay hai anh chị ly hôn bà Khương yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị H phải trả cho bà số tiền đã vay và lãi suất đã thỏa thuận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của anh C, chị H là con dâu, chị H có 2 tên, tên H và tên Hiền, tên Hiền lên Yên Châu thì mọi người hay gọi là Hiền.

Do anh C và chị H sống ở Mộc Châu, nên khi cần tiền thì chị H có nhờ bà hỏi vay tiền hộ.

Ngày 22/11/2014, bà có hỏi vay hộ chị H và anh C số tiền vay của bà Đào Thị D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 1,2% trên tháng, do bà D yêu cầu bà Ch phải có mặt ký vào giấy vay tiền thì bà D mới cho vay, chính vì vậy mà trong Giấy vay tiền có chữ ký của bà (Nguyễn Thị Ch). Khi bà D đưa tiền thì chị H là người trực tiếp nhận tiền với bà D.

Ngoài số tiền bà hỏi vay hộ với bà D, bà còn hỏi vay hộ anh C, chị H 02 người nữa gồm.

Bà Nguyễn Thị Kh số tiền gốc là 30.000.000đ. Ông Bùi Văn Th số tiền gốc là 20.000.000đ. Khi hai người này cho vay tiền thì chị H cũng là người trực tiếp nhận tiền.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 trình bày:*

Bà có được chuyển nhượng cho vợ chồng chị H, anh C 10 thửa đất ruộng, không chuyển nhượng phần đất ao, đất ở. Phần diện tích đất chị H, anh C đã xây nhà không phải là đất bà chuyển nhượng cho anh C, chị H, mà là đất của ông H1, bố chị H.

Quá trình thẩm định phần đất ruộng như anh C khai nay đã được bà M1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh Triệu vào ngày 22/01/2021, do vậy ngày 30/7/2021 Tòa án lấy lại lời khai của bà Vũ Thị M1, bà M1 khai.

Bà không được chuyển nhượng đất ruộng, đất làm nhà cho anh C, chị H như anh C khai. Bà chỉ được chuyển nhượng đất ruộng cho ông Triệu. Hiện nay con trai bà là anh Lương Văn M2 đi làm ở đâu bà không biết, anh M2 không liên lạc gì với bà M1.

Ngày 14/9/2021 Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu đã ra Quyết định mở phiên tòa, con trai bà M1 là anh Lương Văn M2 đã trở về địa phương có mặt tại Tòa án, bà Vũ Thị M1 đã thay đổi lời khai như sau.

Năm bà không nhớ bà có cho chị H mượn một mảnh đất (phần đất này hiện nay ông Triệu đã xây kho), sau khi cho mượn chị H có làm một nhà sàn gỗ trên đất, thời điểm này anh C chưa về sống với chị H, mảnh đất bà cho chị H mượn sát với mảnh đất của ông H1, hiện nay ông H1 đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thanh Triệu.

Khoảng tháng 10 năm 2015 bà và con bà là anh M2 có 1-3 cho chị H và anh C mảnh đất mà bà đã cho chị H mượn để làm nhà với giá 5.000.000đ (Năm triệu). Người trực tiếp nhận tiền là anh M2 con bà, người trả tiền là chị H, việc chuyển nhượng có làm giấy tờ (01 bản) và chị H giữ.

Đối với 02 Hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 22/01/2021 (trong đó 01 mảnh 300m<sup>2</sup> và 01 mảnh 1000m<sup>2</sup>, bà không được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh Triệu, còn chữ ký trong Hợp đồng là của bà và anh Lương Văn M2 con bà ký, việc ký vào trong Hợp đồng chuyển nhượng đất là do chị H bảo bà ký, nên mẹ con bà đã ký vào.

*Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn M2 trình bày:*

Năm 2015 anh cùng với mẹ anh là bà Vũ Thị M1 có chuyển nhượng cho anh C và chị H một diện tích đất 05m chiều rộng, chiều dài 20m, diện tích đất cạnh đất nhà ông Lương Văn H1 với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 09 thửa ruộng vào năm 2020 với giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Triệu trình bày:*

Ngày 02/8/2020 ông Tr có nhận chuyển nhượng với ông Lương Văn H1 01 diện tích đất 5m chiều rộng và 35m chiều dài với giá 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), một mặt giáp đất nhà ông H1, một mặt giáp đất nhà mà M1, hiện nay ông đã xây kho.

Khi ông nhận chuyển nhượng lại diện tích đất của ông H1 để xây kho ông có biết trong diện tích đất nhận chuyển nhượng với ông H1 có 5m đất của bà M1. Còn việc giữa gia đình ông H1 với gia đình bà M1 đổi đất cho nhau như thế nào thì ông không biết, khi thanh toán tiền ông Tr thanh toán tại nhà ông H1 có mặt chị H, anh C, ông H1 và chị U con dâu ông H1 cùng ngồi đếm tiền, sau khi thanh toán tiền xong ông thấy chị H anh C cầm tiền và ông có nghe thấy ông H1 nói là vợ chồng anh C, chị H làm nhà không có tiền nên ông cho vay để làm nhà và trả nợ.

Ngày 22/01/2021, ông Triệu có lập 02 văn bản nhận chuyển nhượng đất với bà Vũ Thị M1 và anh Lương Văn M2.

01 mảnh 300m<sup>2</sup> là đất mà bà M1 bán cho bà Th2 trước đó, sau này ông nhận chuyển nhượng lại với bà Th2, do muốn thủ tục thuận lợi không liên quan đến bà Th2, nên ông đã nhờ bà M1 và anh M2 là chủ đất cũ ban đầu ký vào Hợp đồng, hiện nay diện tích vẫn để trống chưa xây dựng. Giá chuyển nhượng là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền ông thanh toán cho bà Th2.

Đối với diện tích đất ruộng 1000m<sup>2</sup> nhận chuyển nhượng cùng ngày cũng là đất của bà Vũ Thị M1 mà Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định. Giá chuyển nhượng đất ruộng 1.000m<sup>2</sup> là 100.000.000đ, về thanh toán tiền ông thanh toán cho chị H vì chị H là người môi giới cho ông nhận chuyển nhượng lại cho bà M1. Còn việc đi lấy chữ ký của bà M1, anh M2 con bà M1 là việc của chị H.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 245/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83; Điều 38; khoản 3 Điều 59; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b Điều 24; khoản 1 Điều 26 điểm a, b, e khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lương Thị H và anh Bùi Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật H2, sinh ngày 27/01/2016 cho chị Lương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nhật H2 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Giao cho chị Lương Thị H được quyền quản lý, sử dụng:

Nhà 01 tầng, tường chịu lực 150cm, mái lợp tôn, trần thạch cao, mái lợp tôn cùng các công trình khác gồm trụ cổng, cổng sắt, tường rào kết hợp sắt trang trí, tường rào không có sắt trang trí, bán mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng (Mái tôn trước nhà), tổng diện tích xây dựng là 139,98m<sup>2</sup>, ngôi nhà xây trên diện tích đất 300m của ông Lương Văn H1 đã làm thủ tục tặng cho cháu Bùi Nhật H2 (trong đó có 100m<sup>2</sup> là đất chung của chị H và anh C đã đổi với ông H1, còn lại là đất của ông H1 tặng cho cháu Bùi Nhật H2, tổng trị giá tài sản gồm đất và tài sản trên đất là cụ thể như sau:

Trị giá ngôi nhà mái Thái là 470.655.500 đồng (Bốn trăm, bảy mươi triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng), 15 cây bơ trị giá là 780.000đ Bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trị giá 100m<sup>2</sup> đất là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Tổng giá trị nhà, đất, cây ăn quả là 476.435.500đ ( Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía đông nam giáp đường dân sinh; Phía Nam giáp đất ông Lường Văn H1 Phía Bắc giáp đất ông Lường Văn H1; Phía Tây bắc giáp đất ông Lường Văn H1.

Tạm giao cho chị Lường Thị H quản lý diện tích đất còn lại là 279,99m<sup>2</sup> mà ông Lường Văn H1 đã tặng cho cháu Bùi Nhật H2.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc chị Lường Thị H phải trả cho anh Bùi Văn C tiền chênh lệch tài sản là 238.217.000đ (Hai trăm ba mươi tám triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Chị Lường Thị H được đối trừ vào số tiền chênh lệch tài sản phải trả cho anh Bùi Văn C gồm các khoản tiền sau:

Được trừ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) số tiền anh Bùi Văn C phải trả có nghĩa vụ nợ cho ông Lường Văn H1 vào phần nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản mà chị Lường Thị H phải trả cho anh Bùi Văn C.

Được trừ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) giá trị chiếc xe máy anh Bùi Văn C được quyền sử dụng.

Được trừ 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chị H đã chi phí thẩm định, định giá.

Như vậy chị Lường Thị H còn phải trả cho anh Bùi Văn C số tiền là 80.967.500đ (Tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) đồng.

Giao cho anh Bùi Văn C được sử dụng 01 xe máy H WaWe Anpha màu trắng BKS 26G1.212.29 trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đăng ký xe máy mang tên Hà Văn Tươi, anh Bùi Văn C không phải trả tiền chênh lệch giá trị chiếc xe cho chị Lường Thị H.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn C về việc chia diện tích đất lúa được quy thành tiền là 188.186.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

5. Về nợ chung: Giao cho anh Bùi Văn C phải có trách nhiệm trả cho. Đào Thị D 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Kh số tiền gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Bùi Văn Thạ số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

*Giao cho chị Lường Thị H phải có trách nhiệm trả cho:*

Bà Nguyễn Thị Kh số tiền gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ông Bùi Văn Th số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ông Lường Văn H1 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, kiến nghị với UBND Huyện Mộc Châu và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.



Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2021 bị đơn anh Bùi Văn C có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần nợ chung như sau: Anh không nhất trí có vay ông Lường Văn H1 300.000.000đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn chị Lường Thị H: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của bị đơn anh Bùi Văn C: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo cụ thể: Anh không vay ông Lường Văn H1 300.000.000đ để làm nhà, anh không được nhận tiền, không ký kết giấy vay tiền với ông H1, tiền xây nhà là do vợ chồng tiết kiệm. Mặt khác, anh cho rằng ông H1 bán đất cho ông Triệu vào ngày 22 tháng 1 năm 2021 sau thời điểm anh chị đã hoàn thiện ngôi nhà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn H1 trình bày:*

Chị Lường Thị H là con gái ông, năm 2010 chị H ly hôn với anh Lường Văn Tân (chồng cũ của chị H), sau khi ly hôn chị H nuôi 02 con của chị và anh Tân là Lường Như Hoài và Lường Duy Tiệp.

Năm 2012 anh Bùi Văn C có đến, đi lại, tìm hiểu chị H. Đến năm 2015 thì chị H và anh C kết hôn, ở riêng tại ngôi nhà ông cho chị H mượn ở trước đó; đến năm 2018 thì ông cho vợ chồng anh chị C H mượn mảnh đất của ông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã viết giấy tặng cho cháu Bùi Nhật H2 là con chung của anh chị C H để xây nhà. Cùng thời điểm đó thì anh C, chị H đã bán ngôi nhà sàn mà ông mua trước đó làm để chị H ở cho chị Lường Thị Hợi ở cùng bản và trả lại mảnh đất cho bà M1.

Do điều kiện anh C, chị H làm nhà không có tiền nên ông đã chuyển nhượng 05m đất thuộc quyền quản lý của ông, đất đã có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh Triệu ở tiểu khu 12, thị trấn Mộc Châu với giá 300.000.000 đồng để đưa cho anh C, chị H vay để làm nhà. Vì là con cái trong nhà nên khi cho vay tiền ông không làm giấy tờ vay nợ, nhưng có sự chứng kiến của ông Triệu người mua đất, việc giao tiền tại nhà ở của ông vào ngày 02/8/2020 có cả vợ chồng H C ông đề nghị chị H anh C phải có trách nhiệm trả cho ông.

Tại Bản án sơ thẩm số: 245/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La Quyết định: Xác định 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) ông cho Chị H, anh C vay để làm nhà là nợ chung của vợ chồng; Giao cho chị Lường Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) ông đồng ý. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội

dụng vụ án: Đối với khoản nợ ông Lương Văn H1 số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để xây nhà, tuy khi vay hai bên không làm giấy tờ vay mượn nhưng quá trình vay mượn đều có anh Nguyễn Thanh Tr và chị Vì Thị U chứng kiến việc anh C, chị H mang tiền về nhà. Mặt khác, anh C, chị H đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, chỉ tạm đủ cho việc sinh hoạt hàng ngày, không có tích lũy, do vậy việc anh C, chị H phải vay của ông H1 số tiền 300.000.000đ để làm nhà là có cơ sở. Xét không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 245/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn chị Lương Thị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn C có hộ khẩu thường trú tại bản CT, xã CP, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Ngày 15/6/2021, anh C và chị H đã có biên bản thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu là nơi giải quyết vụ án ly hôn của anh chị; tài sản tranh chấp trong vụ án là công trình xây dựng gắn liền với đất tại Bản NB, xã MS, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn anh Bùi Văn C có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Do vậy đơn kháng cáo của anh Bùi Văn C được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn chị Lương Thị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề gồm: Xin ly hôn; giao nuôi con chung; chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 245/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La - Quyết định: (1) Xử cho chị Lương Thị H và anh Bùi Văn C được ly hôn; (2) Quyết định việc: Giao nuôi con chung; Chia tài sản chung của vợ chồng và giao trách nhiệm trả nợ chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2021 bị đơn anh Bùi Văn C có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần Quyết định bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần nợ chung: lý do, anh không vay tiền ông Lương Văn H1 nhưng phải trả cho ông H1 là 150.000.000đ.

#### **[3] Xét kháng cáo của bị đơn Bùi Văn C về nợ chung:**

Anh C không nhất trí số tiền 300.000.000đ chị Lương Thị H vay của ông Lương Văn H1 (bố đẻ chị H) là nợ chung và cho rằng ông H1 bán đất cho ông Nguyễn Thanh Tr với giá tiền là 300.000.000đ vào ngày 26/01/2021, thời gian này anh chị đã làm xong nhà, anh chị sống ly thân. Anh về sống chung với bố mẹ đẻ ở Yên Châu nên không được vay cũng không được ký vào giấy vay nợ ông H1, không biết chị H vay mục đích để làm gì.

Tuy nhiên, lời khai làm chứng của ông Nguyễn Thanh Tr (Người mua đất của ông Lương Văn H1) và Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông H1 và ông Triệu thì thời điểm chuyển nhượng và giao nhận đất, thanh toán tiền là ngày 02/8/2020 (Không phải là ngày 22/01/2021) như anh C trình bày. Đồng thời, ông Tr xác định khi ông trả 300.000.000đ tiền đất cho ông H1 có cả anh C, chị H, chị Vì Thị U (con dâu ông H1) cùng có mặt, chị H cầm tiền về, khi mua đất ông được biết lý do ông H1 bán đất là để cho vợ chồng anh C chị H vay tiền để trả nốt tiền vật liệu và tiền xây nhà - Trùng hợp với ý kiến của ông Lương Văn H1 về lý do phải bán đất cho vợ chồng anh C, chị H vay 300.000.000đ để hoàn thiện nhà, không làm giấy tờ vì là con cái gia đình đồng thời cũng trùng hợp với thời điểm anh C và chị H hoàn thiện nhà.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tại cấp sơ thẩm xác định: Trong thời gian chung sống anh C và chị H có xây 01 ngôi nhà mái thái từ năm 2018 đến cuối năm 2020 thì hoàn thiện, trị giá khoảng hơn 400.000.000đ. Anh C giải trình nguồn tiền để làm nhà là do hai vợ chồng tiết kiệm được từ năm 2014, từ nguồn thu nhập bình quân của anh làm tại công ty 12.000.000đ/1 tháng, chị H thu nhập từ trồng trọt thu nhập khoảng 4 - 5 triệu đồng/tháng; việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và thanh toán tiền xây nhà do chị H là chính. Công xây nhà là tự anh xây là chính, có thuê thêm thợ và trả tiền vật liệu, thuê thợ sơn, thợ sắt và làm trần, cửa nhà.

Như vậy, anh chị đều là lao động tự do, chị H lao động trồng trọt, thu nhập không ổn định, chỉ có tiền công của anh C theo ngày lao động, ngoài ra không còn nguồn thu nào khác; phải chi phí sinh hoạt cho vợ chồng và 03 người con còn nhỏ nên số tiền tiết kiệm để xây nhà không đủ phải vay thêm tiền của bố đẻ là ông H1 300.000.000đ như lời khai trình bày của chị H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án Mộc Châu đối với người bán vật liệu xây dựng và thợ thi công nhà cho chị H, lời khai về thu nhập của những người làm công cùng anh C.

Tại cấp phúc thẩm ngoài lời khai anh Bùi Văn C không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Từ những nhận định, phân tích trên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 300.000.000 đồng ông H1 cho chị H, anh C vay ngày 02/8/2020 dùng vào việc xây nhà là nợ chung của vợ chồng và buộc anh C phải có trách nhiệm cùng chị H trả cho ông H1 số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ. Quá trình giải quyết chị H và ông H1 nhất trí số nợ chị H sẽ có nghĩa vụ trả cho ông H1, đồng thời sẽ khấu trừ số tiền trả nợ của anh C vào khoản tiền chênh lệch tài sản chung phải trả cũng là phù hợp.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Văn C. Giữ nguyên bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Bùi Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Văn C, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 245/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Xử cho chị Lương Thị H và anh Bùi Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thật H2, sinh ngày 27/01/2016 cho chị Lương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nhật H2 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Giao cho chị Lương Thị H được quyền quản lý, sử dụng:

Nhà 01 tầng, tường chịu lực 150cm, mái lợp tôn, trần thạch cao, mái lợp tôn cùng các công trình khác gồm trụ cổng, cổng sắt, tường rào kết hợp sắt trang trí, tường rào không có sắt trang trí, bán mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng (Mái tôn trước nhà), tổng diện tích xây dựng là 139,98m<sup>2</sup>, ngôi nhà xây trên diện tích đất 300m<sup>2</sup> của ông Lương Văn H1 đã làm thủ tục tặng cho cháu Bùi Nhật H2 (trong đó có 100m<sup>2</sup> là đất chung của chị H và anh C đã đổi với ông H1, còn lại là đất của ông H1 tặng cho cháu Bùi Nhật H2, tổng trị giá tài sản gồm đất và tài sản trên đất là cụ thể như sau:

Trị giá ngôi nhà mái Thái là 470.655.500 đồng (Bốn trăm, bảy mươi triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng), 15 cây bơ trị giá là 780.000đ Bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trị giá 100m<sup>2</sup> đất là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Tổng giá trị nhà, đất, cây ăn quả là 476.435.500đ ( Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía đông nam giáp đường dân sinh; Phía Nam giáp đất ông Lương Văn H1 Phía Bắc giáp đất ông Lương Văn H1; Phía Tây bắc giáp đất ông Lương Văn H1.

Tạm giao cho chị Lương Thị H quản lý diện tích đất còn lại là 279,99m<sup>2</sup> mà ông Lương Văn H1 đã tặng cho cháu Bùi Nhật H2.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc chị Lường Thị H phải trả cho anh Bùi Văn C tiền chênh lệch tài sản là 238.217.000đ (Hai trăm ba mươi tám triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Chị Lường Thị H được đối trừ vào số tiền chênh lệch tài sản phải trả cho anh Bùi Văn C gồm các khoản tiền sau:

Được trừ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) số tiền anh Bùi Văn C phải trả có nghĩa vụ nợ cho ông Lường Văn H1 vào phần nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản mà chị Lường Thị H phải trả cho anh Bùi Văn C.

Được trừ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) giá trị chiếc xe máy anh Bùi Văn C được quyền sử dụng.

Được trừ 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chị H đã chi phí thẩm định, định giá.

Như vậy chị Lường Thị H còn phải trả cho anh Bùi Văn C số tiền là 80.967.500đ (Tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) đồng.

Giao cho anh Bùi Văn C được sử dụng 01 xe máy H WaWe Anpha màu trắng BKS 26G1.212.29 trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đăng ký xe máy mang tên Hà Văn T2 anh Bùi Văn C không phải trả tiền chênh lệch giá trị chiếc xe cho chị Lường Thị H.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn C về việc chia diện tích đất lúa được quy thành tiền là 188.186.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

5. Về nợ chung: Giao cho anh Bùi Văn C phải có trách nhiệm trả cho. Đào Thị D 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Bà Nguyễn Thị Kh số tiền gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Bùi Văn Th số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

*Giao cho chị Lường Thị H phải có trách nhiệm trả cho:*

Bà Nguyễn Thị Kh số tiền gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Ông Bùi Văn Th số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ông Lường Văn H1 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Bùi Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000519 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có H lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2022).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- UBND xã MS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quản Hữu Chiến**

